

UBND TỈNH THANH HÓA

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1836/QĐ-ĐHHD,
ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

Tên chương trình : Thạc sĩ Địa lí học
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
Chuyên ngành đào tạo : Địa lí học
Mã số : 8310501

THANH HÓA, NĂM 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1836/QĐ-ĐHHD ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo: Địa lí học
 - + Tiếng Việt: Địa lí học
 - + Tiếng Anh: Geography
- Số quyết định của BGD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ: 4901/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2017.
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8310501
- Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung
- Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Thạc sĩ Địa lí học
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Địa lí học
 - + Tiếng Anh: Master of Geography
- Khoa đào tạo: Khoa Khoa học xã hội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Địa lí học nhằm giúp học viên làm chủ được những kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về hệ thống lí luận chuyên ngành Địa lí kinh tế - xã hội và liên ngành địa lí; Giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực thuộc ngành, chuyên ngành do thực tiễn đặt ra. Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, trung thực, ý thức trách nhiệm đối với đất nước, dân tộc; có nghĩa vụ phục vụ nhân dân, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi được giao; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Địa lí học để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

- Nắm vững những kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về Địa lí kinh tế - xã hội; bổ sung năng lực thực tiễn trong nghiên cứu, đánh giá các vấn đề địa lí kinh tế - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới. Trên cơ sở đó, học viên có thêm năng lực phát hiện và xử lý các vấn đề địa lí kinh tế- xã hội nảy sinh trong thực tiễn gắn với lý luận, để sau khi tốt nghiệp học viên có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Tăng cường cho học viên có nhiều kỹ năng trong nghiên cứu khoa học; sử dụng thành thạo những kỹ thuật, phương pháp khai thác thông tin, phân tích, tổng hợp; nâng cao

khả năng thực hành lý thuyết với thực tiễn, ứng dụng công nghệ GIS, SPSS, viễn thám... trong nghiên cứu địa lí kinh tế- xã hội. Từ đó, học viên có thêm phong kiến thức và kỹ năng vận dụng vào thực tế công việc theo đúng chuyên môn.

- Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy về Địa lí kinh tế - xã hội.

- Có khả năng tham gia hoạch định đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương các cấp.

2.2.1. Về kiến thức

* *Kiến thức chung*: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản như:

- Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về phát triển kinh tế - xã hội;

- Tiếng anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong các hoạt động chuyên môn Địa lí kinh tế- xã hội. Có chứng chỉ tiếng Anh bậc 3, 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ tương đương; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để nghe hiểu, viết và trình bày các báo cáo về chuyên ngành Địa lí học, trình bày các ý kiến và phản biện một vấn đề về chuyên ngành Địa lí học.

* *Kiến thức chuyên ngành*: Cung cấp cho học viên những kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng và tiên tiến, gồm có:

- Kiến thức về địa lí kinh tế - xã hội đại cương và địa lí kinh tế-xã hội Việt Nam; một số vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh mới. Vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và khu vực;

- Về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội; Phương pháp điều tra xã hội học; Hệ thống thông tin địa lý và ứng dụng của nó trong xây dựng CSDL và thành lập bản đồ địa lí kinh tế- xã hội; Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu và xử lý số liệu địa lí kinh tế - xã hội.

- Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức lãnh thổ kinh tế; quy hoạch vùng; về quần cư và đô thị hóa;

- Những kiến thức chuyên sâu về tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ).

2.2.2. Về kỹ năng mềm

Trang bị, bổ sung cho học viên nắm vững lý thuyết về địa lí kinh tế - xã hội, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Địa lí kinh tế - xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lí chung, những kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn để họ có khả năng độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thực tiễn. Cụ thể:

- Có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức địa lí kinh tế- xã hội vào lĩnh vực công tác được giao;

- Có năng lực tư vấn, tham mưu lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội;

- Có kỹ năng quản lý, lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội;

- Có khả năng nghiên cứu khoa học, giảng dạy địa lí kinh tế - xã hội ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Có khả năng ứng dụng Hệ thống tin địa lí (GIS) trong xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bản đồ, sử dụng phần mềm SPSS xử lý số liệu thống kê.

2.2.3. Thái độ

- Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi làm việc trong các cơ quan Nhà nước hay giảng dạy trong các trường học.

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc

- Có tinh thần học hỏi, trách nhiệm cao trong công việc.

2.2.4. Về đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;

- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;

- Đáp ứng được yêu cầu công tác trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy địa lí nói chung, Địa lí kinh tế - xã hội nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, THPT,...

2.2.5. Về năng lực

- Có thể nghiên cứu, giảng dạy những vấn đề về địa lí kinh tế - xã hội;

- Có khả năng nghiên cứu những vấn đề lý luận về địa lí kinh tế- xã hội thế giới, khu vực và Việt Nam; tham gia hoạch định và tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề xã hội của địa lí dân cư; tư vấn cho nhà lãnh đạo trong các quyết định về quy hoạch vùng,...

- Sau khi tốt nghiệp, các Thạc sĩ Địa lí học có thể làm việc trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy địa lí nói chung, Địa lí kinh tế - xã hội nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, trường THPT,...

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. Thi tuyển

- Môn thi:

+ Môn chủ chốt : Địa lí kinh tế - xã hội đại cương

+ Môn không chủ chốt : Địa lí tự nhiên đại cương

+ Môn ngoại ngữ : Tiếng Anh

3.1.2. Xét tuyển: Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

3.3. Danh mục các ngành đứng, ngành phù hợp

- Đại học sư phạm Địa lí

- Đại học Địa lí học

3.4. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung

Tên ngành đại học	Tên học phần bổ sung	Số tín chỉ
<i>Ngành gần nhóm 1:</i> - Bản đồ học - Khí tượng và khí hậu học - Thủy văn học - Hải dương học - Nông học - Lâm học - Việt Nam học - Quản lý đất đai - Quản lý TN&MT	- Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3
	- Phương pháp nghiên cứu địa lí	3
<i>Ngành gần nhóm 2:</i> - Kinh tế và phát triển - Quy hoạch - Quản lý đô thị - Đô thị học - Kinh tế đô thị - Quản trị kinh doanh	- Địa lí tự nhiên đại cương 1	2
	- Địa lí tự nhiên đại cương 2	2
	- Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	2
	- Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	2
	- Phương pháp nghiên cứu địa lí	2

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức

- Kiến thức ngành và liên ngành:

- + Có kiến thức các ngành có liên quan;
- + Có kiến thức tổng hợp về địa lí kinh tế- xã hội;
- + Có tư duy khoa học trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh;
- + Có kiến thức chung về quản trị và quản lý.

- Kiến thức chuyên ngành:

- + Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo Địa lí kinh tế- xã hội;
- + Có tư duy phản biện; làm chủ kiến thức chuyên ngành để thực hiện các công việc trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lí kinh tế- xã hội;
- + Có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

1.2. Năng lực ngoại ngữ

Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;
- d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;
- đ) Trình độ năng lực ngoại ngữ đạt được ở mức tương đương bậc 4/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 6,0 điểm trở lên thì được cấp chứng nhận ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra.

Có kĩ năng ngoại ngữ ở mức có thể tiếp thu được một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành Địa lí học; có thể diễn đạt, viết báo cáo ngắn hoặc trình bày được các ý kiến cơ bản của mình trong phản biện khoa học bằng ngoại ngữ thuộc lĩnh vực chuyên ngành Địa lí học.

1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- **Năng lực tự chủ:** Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Địa lí học; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và đưa ra được

những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề thuộc lĩnh vực Địa lí học; Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt động chuyên môn về Địa lí học.

- **Năng lực tự chịu trách nhiệm:** Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ và công việc được giao thuộc lĩnh vực Địa lí học; Có ý thức trách nhiệm, trung thực và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

Luận văn cao học phải là một báo cáo khoa học của chính học viên, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu khoa học, mang tính thời sự thuộc chuyên ngành Địa lí học, phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin địa lí kinh tế- xã hội để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong vực giảng dạy và nghiên cứu;

- Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn Địa lí kinh tế- xã hội với người cùng ngành và với những người khác;

- Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu địa lí kinh tế- xã hội;

- Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp như: ứng dụng Hệ thống tin địa lí (GIS) trong xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bản đồ; sử dụng phần mềm SPSS xử lý số liệu thống kê.

2.2. Các kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng làm việc, giải quyết độc lập, sáng tạo
- Kỹ năng làm việc nhóm
 - + Thành lập nhóm.
 - + Xác định vai trò thành viên hay lãnh đạo nhóm.
 - + Xác định kế hoạch làm việc của nhóm.
 - + Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.
 - + Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.
- Kỹ năng giao tiếp
 - + Xây dựng ý tưởng, lập luận
 - + Giao tiếp cá nhân trực tiếp
 - + Thuyết trình trước đám đông
 - + Giao tiếp bằng văn bản
 - + Giao tiếp qua các phương tiện kĩ thuật công nghệ
- Các kĩ năng về ngoại ngữ và tin học

- + Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh vào việc đọc hiểu; viết, phản biện, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học;
- + Kỹ năng tin học: thành thạo kỹ năng tin học văn phòng.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức.
- Trung thực và giữ uy tín.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;
- Đáp ứng được yêu cầu công tác trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy địa lí nói chung, Địa lí kinh tế - xã hội nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, THPT,...

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Có ý thức và trách nhiệm công dân tốt, quan tâm và chia sẻ với cộng đồng, hiểu biết và chấp hành nghiêm pháp luật.

4. Những vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, các Thạc sĩ Địa lí học có thể làm việc trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương;
- Tham gia giảng dạy địa lí nói chung, Địa lí kinh tế - xã hội nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, trường THPT;
- Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học;
- Có thể giữ các cương vị cán bộ chủ chốt, chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ và cấp Nhà nước.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học lên trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Địa lí học;
- Học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp;
- Học bằng Thạc sĩ các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Quản lý, khối Khoa học xã hội và nhân văn...

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60
Khối kiến thức chung	10
Khối kiến thức cơ sở	18
+ Bắt buộc	12
+ Tự chọn	06
Khối kiến thức chuyên ngành	17
+ Bắt buộc	13
+ Tự chọn	04
Luận văn thạc sĩ	15

2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				LT	BT/TH	Tự học		
I	Khối kiến thức chung		10					
1	HĐTH.101	Triết học	04	36	48	180	1	Nguyên lý
2	HĐTA.102	Tiếng Anh 1	03	27	36	135	1	Khoa Ngoại ngữ
3	ĐLHTA.103	Tiếng Anh 2 (Chuyên ngành)	03	27	36	135	1	Khoa Ngoại ngữ
II	Khối kiến thức cơ sở							
	Các học phần bắt buộc		12					
1	ĐLH.104	Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương	03	27	36	135	1	Địa lí
2	ĐLH.105	Những vấn đề địa lí kinh tế - xã hội đại cương	03	27	36	135	2	Địa lí
3	ĐLH.106	Phương pháp luận và phương pháp dạy học địa lí	03	27	36	135	2	Địa lí
4	ĐLH.107	Xây dựng bản đồ KT-XH bằng phần mềm Mapinfo	03	15	60	135	3	Địa lí
	Các học phần tự chọn		4/16					
1	ĐLH. 108	Kinh tế và phát triển	02	18	24	90		Địa lí
2	ĐLH. 109	Bản đồ chuyên đề	02	18	24	90		Địa lí
3	ĐLH. 110	Phát triển bền vững	02	18	24	90		Địa lí

4	ĐLH. 111	Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	02	18	24	90		Địa lí
5	ĐLH. 112	Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên	02	18	24	90	1	Địa lí
6	ĐLH. 113	Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế	02	18	24	90		Địa lí
7	ĐLH. 114	Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội thế giới	02	18	24	90	2	Địa lí
8	ĐLH. 115	Biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội	02	18	24	90		Địa lí
III	Khối kiến thức chuyên ngành							
	Các học phần bắt buộc		13					
1	ĐLH. 116	Phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội	03	27	36	135	3	Địa lí
2	ĐLH. 117	Quản cư và đô thị hóa	03	27	36	135	2	Địa lí
3	ĐLH. 118	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	02	18	24	90	3	Địa lí
4	ĐLH. 119	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	02	18	24	90	3	Địa lí
5	ĐLH. 120	Tổ chức lãnh thổ dịch vụ	03	27	36	135	3	Địa lí
	Các học phần tự chọn		6/8					
1	ĐLH. 121	Phát triển lãnh thổ kinh tế	02	18	24	90		Địa lí
2	ĐLH. 122	Quy hoạch vùng	02	18	24	90	3	Địa lí
3	ĐLH. 123	Một số vấn đề địa lí KT-XH Việt Nam	02	18	24	90	2	Địa lí
4	ĐLH. 124	Một số vấn đề về phát triển kinh tế biển	02	18	24	90	2	Địa lí
IV	LUẬN VĂN THẠC SĨ		15					Địa lí

3. Tiến trình đào tạo trong hai năm học

Học kỳ	Tổng số học phần	Tổng số tín chỉ	Ghi chú
1	05	15	
2	06	15	
3	06	15	
4	01	15	Luận văn TN

(Xem chi tiết tại khung chương trình và kế hoạch đào tạo)

4. Mô tả tóm tắt học phần

4.1. Triết học/ Philosophy

4.1.1. Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sỹ trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới, phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.3. Năng lực cần đạt được:

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện lại được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

4.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

* Tài liệu bắt buộc:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội 2016.

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHTN, CN), Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội 2016.

2. Bùi Thanh Quất (chủ biên), *Lịch sử Triết học*, Nxb Giáo dục 1999.

4.1.6. *Hình thức thi hết học phần:*

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 180 phút

4.2. Tiếng Anh 1/ English 1

4.2.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:
Verbs to express “likes” and “dislikes”.

Present Simple

Present Continuous

Sentence structures: be keen on, be good at, be interested in

Comparatives and Superlatives

Sentence patterns: so/such + adjective/adverb ; too /enough ... to

Extremely adjectives

Describing people

Past Simple

Used to + V

Passive and Active

Sentence patterns: owing to/ due to

Express agreeing and disagreeing

Suggesting

May, might, could

Quantifiers

Should / ought to

Adverbs and Adverbial Phrases; Forming adverbs

- Past continuous and past simple

Conjunctions

Sentence patterns: despite / in spite of

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

Hobbies and interests Communication and technologies

Family and furniture

Daily life

Food occasions

Going to the doctor

Forms of transport

- Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

* Ngữ âm

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

* Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong bộ sách "Target PET" (Sue Ireland and Joanna Kosta)

* Từ vựng

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

4.2.3. Năng lực cần đạt được

* Về mặt từ vựng, ngữ pháp:

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

* Về kỹ năng Nghe:

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B1 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

* Về kỹ năng Nói & Phát âm:

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

* Về kỹ năng Đọc:

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu,)

* Về kỹ năng Viết:

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.

Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.2.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing.* (Ký hiệu HLBB1)

[2]. Nguyễn Thị Quyết. 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1).* Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

[3]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File - Preintermediate 3rd edition.* Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

* Tài liệu tham khảo

[1]. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa

[2]. *Cambridge PET.* (2004). Cambridge University Press

4.2.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Tự luận

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.3. Tiếng Anh 2/ English 2

4.3.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 07 đến Unit 12 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

Comparatives and Superlatives.

Present perfect and past simple

Obligation, prohibition and permission

Relative pronouns

Forming words for jobs

Predicting the future

First conditional and unless

Going to

Second conditional questions.

Modal passives

Adjective order

Phrasal verbs to talk about clothes

Like and Just like

Have/get something done

Talking about money

Past perfect

Reported speech and reported questions

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

Sports

Feelings and opinions

School and study

Computers and technology

Weather

Holidays

Music and festivals

Places to stay

Clothes

Money

Cinema

- Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B2. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

- Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

* Ngữ âm

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

** Ngữ pháp*

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong trong bộ sách "Target PET" (Sue Ireland and Joanna Kosta)

** Từ vựng*

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 11 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B2.

4.3.3. Năng lực cần đạt được

** Về mặt từ vựng, ngữ pháp*

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

** Về kỹ năng Nghe*

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

** Về kỹ năng Nói & Phát âm*

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

** Về kỹ năng Đọc*

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu,)

** Về kỹ năng Viết*

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.

Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

** Giáo trình chính*

[1]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing.* (Ký hiệu HLBB1)

[2]. Nguyễn Thị Quyét. 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1).* Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

[3]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File - Preintermediate 3rd edition.* Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

* Tài liệu tham khảo

[1]. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa

[2]. *Cambridge PET.* (2004). Cambridge University Press

4.3.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: Tự luận

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.4. Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương/ General natural geographic issues

4.4.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về: Một số vấn đề địa lí tự nhiên hiện đại; Từ kiến thức đặc điểm, phân bố và mối quan hệ của các thành phần tự nhiên trên Trái Đất (Trái Đất, Thạch quyển, Lớp vỏ địa lí, Khí quyển, Thủy quyển, Thổ nhưỡng và Sinh quyển) đến vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong mỗi thành phần tự nhiên (tài nguyên khí hậu, nước ngọt, đất, rừng,...); nguyên nhân và phạm vi và biểu hiện của các quy luật địa lí chung trên Trái Đất (Quy luật về tính thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ cảnh quan; quy luật địa đới; quy luật phi địa đới;...).

4.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về: Những vấn đề địa lí hiện đại; sự hình thành và phát triển, vai trò, đặc điểm, phân bố và mối quan hệ của các thành phần tự nhiên trên Trái Đất; vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong mỗi hợp phần tự nhiên; Thông qua kiến thức về các quy luật địa lí chung trên Trái Đất, vận dụng chúng trong việc giải thích các hiện tượng địa lý phục vụ nghiên cứu và dạy học địa lí ở trường phổ thông

4.4.3. Năng lực cần đạt được

- Giải thích các hiện tượng địa lý tự nhiên trên Trái Đất;
- Phân tích được các quy luật địa lí tự nhiên;
- Vận dụng những kiến thức về địa lí tự nhiên đại cương trong nghiên cứu và giảng dạy địa lý nói chung, địa lí tự nhiên Việt Nam nói riêng ở nhà trường phổ thông.
- Luôn coi trọng quy luật hình thành, phát triển của tự nhiên để từ đó có sự tác động không gây tổn hại đến môi trường tự nhiên;
- Biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.4.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 36 tiết
- + Tự học : 135 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.4.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ biên), *Địa lý tự nhiên đại cương 1*, NXB ĐHSP Hà Nội 1, 2004.
- [2]. Hoàng Ngọc Oanh (Chủ biên): *Địa lý tự nhiên đại cương 2*, NXB ĐHSP Hà Nội 1, 2004.
- [3]. Nguyễn Kim Chương, Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung, *Địa lý tự nhiên đại cương 3*, NXB ĐHSP Hà Nội 1, 2005.
- [4]. Ngô Đạt Tam (Chủ biên), *Tập bản đồ Địa lý tự nhiên đại cương*. NXB GDVN, 2008.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Bá Thảo (Chủ biên) và nnk. *Cơ sở Địa lý tự nhiên tập 1*, NXB GD, 1987.
- [2]. Lê Bá Thảo (Chủ biên) và nnk. *Cơ sở Địa lý tự nhiên tập 2*, NXB GD, 1987.
- [3]. Nguyễn Vi Dân (chủ biên), *Cơ sở địa lý tự nhiên*, NXB ĐHQGHN, 2005.
- [4]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Hiếu. *Thổ nhưỡng và sinh quyển*, NXBGD, 1999.
- [5]. Lê Bá Thảo (Chủ biên) và nnk. *Cơ sở Địa lý tự nhiên tập 3*. NXB GD, 1987.

4.4.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.5. Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội đại cương/ General issues in Economic - Social Geography

4.5.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng và tiên tiến về đối tượng, phương pháp luận, nội dung của Địa lý KT-XH đại cương; các kiến thức nâng cao về mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên và nền sản xuất xã hội; địa lý dân cư, các vấn đề địa lý xã hội và địa lý các ngành sản xuất và dịch vụ.

4.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, nội dung của Địa lý KT-XH đại cương; mối quan hệ giữa môi trường, tài

nguyên và nền sản xuất xã hội; địa lý dân cư, các vấn đề địa lý xã hội và địa lý các ngành sản xuất và dịch vụ.

4.5.3. Năng lực cần đạt được

- Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức chuyên sâu về địa lý KT-XH các lãnh thổ khác nhau.

- Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về địa lý KT-XH; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm, câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề KT-XH.

- Phát hiện và giải quyết được những vấn đề địa lý KT-XH đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

- Truyền đạt được những kiến thức địa lý KT-XH cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề địa lý KT- XH và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc và xây dựng được bản đồ địa lý KT-XH

- Có tư duy phân biện tư duy địa lý KT-XH.

- Độc lập phát hiện được những vấn đề địa lý KT-XH cần phải nghiên cứu.

- Vận dụng những kiến thức về địa lý KT-XH trong nghiên cứu và giảng dạy địa lý ở nhà trường phổ thông.

4.5.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 36 tiết

+ Tự học : 135 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.5.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc:

[1]. Lê Văn Trường (2005). Địa lý Kinh tế-xã hội đại cương. NXB Chính trị Quốc gia.

[2]. Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*. NXB ĐHSP.

[3]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2011), *Địa lý thương mại và du lịch*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2012), *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

* Học liệu tham khảo thêm:

[1]. Ngân hàng thế giới, *Báo cáo phát triển thế giới hàng năm*.

[2]. Trung tâm KHXH & NV Quốc gia, *Báo cáo phát triển con người Việt Nam hàng năm*. NXB Chính trị Quốc gia.

[3]. UNFPA, *Tình trạng dân số thế giới các năm*.

[4]- Tổng cục Thống kê : *Niên giám thống kê các năm.*

[5]. Viện kinh tế thế giới, *Tạp chí những vấn đề kinh tế thế giới hàng năm,*
TTKHXH & NV Quốc gia.

4.5.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.6. Phương pháp luận và phương pháp dạy học địa lí/ Methodology and methods of teaching Geography

4.6.1. Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần cung cấp cho HV những quan điểm, phương pháp nghiên cứu khoa học liên quan đến phương pháp dạy học địa lí: quan điểm, phương pháp nghiên cứu khoa học, khoa học sư phạm ứng dụng. Đây là những cơ sở khoa học cho lí thuyết về sử dụng phương pháp dạy học nói chung và địa lí nói riêng. HV rèn luyện một số kĩ năng sử dụng một số phần mềm phục vụ dạy học địa lí: vẽ biểu đồ, sơ đồ, cắt, nối phim, chỉnh sửa hình ảnh..., thiết kế một số dạng bài địa lí và giải một số bài tập địa lí .

4.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Những vấn đề chung về phương pháp luận và PP dạy học địa lí, một số kỹ năng cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí; sử dụng PPDH tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực

4.6.3. Năng lực cần đạt được:

Học viên vận dụng được kiến thức kĩ năng cơ bản để thiết kế bài dạy bằng sử dụng máy tính với PPDH tích cực, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học phù hợp

4.6.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học
 - + Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết
 - + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 36 tiết
 - + Tự học : 135 giờ

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.6.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

* *Học liệu bắt buộc:*

[1]. TS. Nguyễn Văn Cường, Prof. Bernd Meier: *Li luận dạy học hiện đại*, ĐH Potsdam, ĐHSPT Hà Nội 2011

[2]. PGS,TS. Đặng Văn Đức: *Phương pháp luận và phương pháp dạy học địa lí* (đề cương bài giảng), ĐHSPT Hà Nội 2014.

* *Học liệu tham khảo thêm*

[1]. VVOB Việt Nam : *Công nghệ thông tin cho dạy học tích cực*, NXB Giáo dục 2010

[2]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc: *Lí luận dạy học địa lí*, ĐHSP Hà Nội 2011.

4.6.6. Hình thức thi hết học phần:

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.7. Xây dựng bản đồ KT-XH bằng phần mềm Mapinfo/ Building socio-economic map with Mapinfo software

4.7.1. Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về hệ thống thông tin địa lý bao gồm: Các chức năng của phần mềm GIS; Phương pháp thành lập bản đồ chuyên đề tiên tiến và hiện đại. Bên cạnh đó học phần còn hướng dẫn một cách sâu sắc và chi tiết học viên biên tập, thành lập được hệ thống các bản đồ chuyên đề về dân cư và các ngành kinh tế thông qua phần mềm mapinfo.

4.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Học phần tập trung làm sáng tỏ những kiến thức cơ bản, cốt lõi như: Khái niệm, thành phần, đặc điểm dữ liệu, các ứng dụng, chức năng và các phần mềm cơ bản của GIS hiện nay. Trên nền tảng phần mềm Mapinfo biên tập và thành lập hệ thống các bản đồ chuyên đề về dân cư, kinh tế - xã hội.

4.7.3. Năng lực cần đạt được:

- Ứng dụng công nghệ thông tin nói chung và hệ thống thông tin địa lý nói riêng vào nghiên cứu các vấn đề địa lý dân cư và kinh tế - xã hội.
- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề về dân cư và kinh tế- xã hội bằng phần mềm mapinfo

4.7.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học
 - + Nghe giảng lý thuyết: : 15 tiết
 - + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 60 tiết
 - + Tự học : 135 tiết
- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.7.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

[1]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Giáo trình "*Hướng dẫn sử dụng phần mềm MapInfo*", Trung tâm Địa lí ứng dụng, Hà Nội - 2010.

[2]. Đặng Văn Đức, "*Hệ thống thông tin địa lý*", Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà nội - 2001.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Quốc Bình, "*Bài giảng ESRI ArcGIS 8.1*", Hà Nội- 2004

[2]. Keith C. Clarke, "Getting started with Geographic Information Systems Prentice Hall". 1999

[3]. Lâm Quang Đốc (2002), Bản đồ chuyên đề, NXB ĐHSP Hà Nội

[4]. Lê Huỳnh – Lê Ngọc Nam (2001) Bản đồ học chuyên đề, NXB Giáo dục

[5]. Nguyễn Thế Thận – Trần Công Yên (2005) Tổ chức hệ thống thông tin địa lí, Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội

[6]. Giáo trình hệ thống thông tin địa lý, (2004), Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, Trung tâm GIS.

4.7.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận + thực hành trên máy tính
- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.8. Kinh tế và phát triển/ Development Economic

4.8.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về tổng quan chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Một số lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực với tăng trưởng và phát triển kinh tế; Ngoại thương với tăng trưởng và phát triển kinh tế.

4.8.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ về những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển, giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

4.8.3. Năng lực cần đạt được

- Có khả năng tổng hợp, nhận dạng cấu trúc và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội.
- Biết thu thập thông tin và nhận dạng các hiện tượng kinh tế xã hội cả về mặt định tính và định lượng.
- Biết phát hiện vấn đề, phân tích và lựa chọn các giải pháp chính sách quản lí các ngành, quản lí địa phương,...
- Đạt được các kỹ năng tư duy và làm việc độc lập một cách hiệu quả.

4.8.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
- + Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.8.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. GS.TS Trần Văn Chừ, *Giáo trình kinh tế học phát triển*, Nxb Lý luận chính trị tái bản năm 2007.

[2]. GS.TS Hoàng Ngọc Hòa, *Tập bài giảng phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, xuất bản năm 2006.

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Michael Todaro, *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998

[2]. *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

[3]. *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo*.

[4]. Hawkins. R. G. P., and Shaw. H. S., (2004) *The practical guide to waste management law*.Lodon: Thomas Telford.

[5]. Louka. E., (2006) *International Environmental Law: Fairness, Effectiveness, and World Order*. New York: Cambridge University Press.

4.8.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.9. Bản đồ chuyên đề/ Thematic maps

4.9.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về: đặc điểm, tính chất cơ bản của bản đồ chuyên đề, cơ sở toán học và ngôn ngữ bản đồ; các yêu cầu kĩ thuật trong quá trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề; phương pháp khai thác các thông tin trên bản đồ chuyên đề; các công cụ để biên tập, thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

4.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về: các loại bản đồ chuyên đề, mô tả được đặc điểm, tính chất và các hình thức thể hiện trên bản đồ chuyên đề; hệ tọa độ, tỷ lệ và ký hiệu bản đồ là cơ sở toán học quan trọng của bản đồ chuyên đề; các yêu cầu kĩ thuật trong quá trình thành lập bản đồ chuyên đề; phương pháp sử dụng và khai thác thông tin trên bản đồ; biên tập và thành lập được một bản đồ chuyên đề cụ thể phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

4.9.3. Năng lực cần đạt được

- Nắm vững đặc điểm, tính chất của bản đồ chuyên đề
- Phân loại và hiểu được các tính chất, đặc điểm cơ bản của các loại bản đồ chuyên đề.
- Xác định được các hệ quy chiếu, tỷ lệ và kí hiệu dùng trong các loại bản đồ chuyên đề.
- Nắm vững những yêu cầu kĩ thuật trong quá trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề.

- Biết khai thác thông tin trên bản đồ phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

- Sử dụng các công cụ biên vẽ để biên tập, xây dựng và thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ các mục đích khác nhau

4.9.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: : 18 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
- + Tự học : 90 tiết

- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.9.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* *Giáo trình chính:*

[1]. Lâm Quang Dốc, (2003). *Bản đồ chuyên đề*. Nxb Đại học Sư phạm, 2002.

[2]. Trần Tấn Lộc, (2004). *Bản Đồ Học Chuyên Đề*. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, 2004.

* *Tài liệu tham khảo:*

[3]. PGS. TS. Lê Huỳnh, PGS. TS. Lê Ngọc Nam (2001), *Bản đồ chuyên đề*, NXB Giáo dục.

[4]. J. B. Harley (2001) *The new nature of maps: Essay in the history of cartography*, London: The Johns Hopkins University Press.

[5]. M.J. Kraak (2015) *Exploratory cartography: Maps as a tool for discovery*, University of Twente Press.

4.9.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.10. Phát triển bền vững/ Sustainable Development

4.10.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn mở rộng, chuyên sâu và tiên tiến về tiến trình từ phát triển kinh tế đến phát triển bền vững; khái niệm và nội dung phát triển bền vững (khái niệm, nội dung, nguyên tắc và chỉ tiêu phát triển bền vững); khung khổ thực thi phát triển bền vững của một số tổ chức và quốc gia trên thế giới, chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (mục tiêu, nguyên tắc và quan điểm phát triển bền vững ở Việt Nam; các lĩnh vực ưu tiên trong phát triển bền vững ở Việt Nam, tình hình thực hiện chiến lược phát triển bền vững thời gian qua và định hướng phát triển bền vững đến năm 2020.

4.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về: Phát triển bền vững: khái niệm, nội dung, nguyên tắc và chỉ tiêu phát triển bền vững của LHQ; mục tiêu, nguyên tắc và quan điểm phát

triển bền vững ở Việt Nam, các lĩnh vực ưu tiên trong phát triển bền vững ở Việt Nam, tình hình thực hiện chiến lược phát triển bền vững thời gian qua và chiến lược phát triển bền vững đến năm 2020. Vận dụng các chỉ tiêu về phát triển bền vững ở Việt Nam để phân tích một số hoạt động kinh tế - xã hội dưới góc độ Địa lý.

4.10.3. Năng lực cần đạt được

- Hiểu rõ các khái niệm, nội dung, nguyên tắc phát triển bền vững
- Phân tích được chỉ tiêu phát triển bền vững;
- Vận dụng các nguyên tắc và chỉ tiêu phát triển bền vững trong phân tích, đánh giá mức độ phát triển bền vững một số vấn đề địa lý kinh tế - xã hội
- Biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
 - + Nghe giảng lý thuyết: : 18 tiết
 - + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
 - + Tự học : 90 tiết
- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.10.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1] . Chính phủ Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2004. *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), Hà Nội, tháng 8 năm 2004.

[2]. Nguyễn Đình Hòa: “*Môi trường và phát triển bền vững*”, Nxb giáo dục 2007

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Bhaskar Nath, Luc Hens anh Dimitri Devuy Sự thật, 1996. Textbook on UNESCO, Paris.

[2]. Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh: *Phát triển bền vững từ quan niệm đến hành động*. Nxb Khoa học xã hội, 2009, 367 tr.

[3]. Hawkins. R. G. P., and Shaw. H. S., (2004) *The practical guide to waste management law*. Lodon: Thomas Telford.

[4]. Louka. E., (2006) *International Environmental Law: Fairness, Effectiveness, and World Order*. New York: Cambridge University Press

[5]. Ngô Thắng Lợi (2012). *Giáo trình kinh tế phát triển*. NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012

4.10.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.11. Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học địa lí ở trường phổ thông/ *Some modern organizational forms of teaching in Geography subject at schools*

4.11.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn mở rộng, chuyên sâu và tiên tiến về những hình thức tổ chức dạy học tích cực đã và đang được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia; Cung cấp cơ sở để người học tự phân biệt, so sánh, đánh giá các mô hình dạy học từ đó chủ động, tìm tòi và sáng tạo trong việc vận dụng kiểu/mô hình dạy học phù hợp với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.

4.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về: hình thức tổ chức dạy học tích cực đã và đang được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia; biết phân biệt, so sánh, đánh giá các mô hình dạy học từ đó chủ động, tìm tòi và sáng tạo trong việc vận dụng kiểu/mô hình dạy học phù hợp với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.

4.11.3. Năng lực cần đạt được

Có năng lực sử dụng phối hợp có hiệu quả các hình thức tổ chức dạy học theo nhóm, nhóm-lớp, nhóm- cá nhân, lớp-nhóm-cá nhân trong các mô hình dạy học hiện đại và truyền thống ở các bậc học.

4.11.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: : 18 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
- + Tự học : 90 tiết

- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.11.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* *Giáo trình chính:*

[1]. Báo cáo “Học tập – kho báu tiềm ẩn”, Báo cáo của Ủy ban quốc tế về giáo dục thế kỷ XXI, UNESCO

[2]. Hồ Ngọc Đại, *Giải pháp giáo dục*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.

[3]. Đặng Văn Đức và nnk. *Phương pháp dạy học địa lý theo hướng tích cực*. Nxb Đại học sư phạm, 2004.

* *Tài liệu tham khảo:*

[4]. Thomas Armstrong, (Lê Quang Long dịch), *Đa trí tuệ trong lớp học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.

[5]. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock, (Nguyễn Hồng Vân dịch), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.

4.11.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.12. Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên/ Basic landscape and natural geographic partition

4.12.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về cơ bản và chuyên sâu về: Cơ sở cảnh quan học, bao gồm kiến thức về: Đối tượng, nội dung và lịch sử của khoa học cảnh quan; khái niệm, thành phần, cấu trúc và hình thái cảnh quan; sự tác động của con người vào cảnh quan; nguyên tắc phân loại cảnh quan và các hệ thống phân loại cảnh quan; Kiến thức cơ bản về phân vùng địa lí tự nhiên và phân vùng địa lí tự nhiên đất liền, đảo-biển và các vùng lân cận Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về cảnh quan học ứng dụng trong đó giới thiệu về biên tập và sử dụng bản đồ cảnh quan sinh thái.

4.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ về lịch sử cảnh quan học và các học thuyết về cảnh quan; phân tích bản chất, nguyên tắc của phân vùng địa lí tự nhiên; các đơn vị phân vùng địa lí tự nhiên và phương pháp phân vùng địa lí tự nhiên; Vận dụng kiến thức cơ sở về cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên vào nghiên cứu cảnh quan học ứng dụng nhằm hướng tới sử dụng bền vững tài nguyên và bảo môi trường.

4.12.3. Năng lực cần đạt được

- Vận dụng kiến thức cơ sở về cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên trong phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam và trong nghiên cứu cảnh quan ứng dụng;

- Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức cơ bản về cơ sở về cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên;

- Biên tập và sử dụng bản đồ cảnh quan sinh thái phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy địa lí;

- Người học luôn coi trọng quy luật hình thành, phát triển, phân hóa cũng như mối quan hệ chặt chẽ của các thành phần tự nhiên để từ đó có những tác động tới cảnh quan (thể tổng hợp lãnh thổ tự nhiên) theo hướng có lợi cho con người và môi trường thiên nhiên;

4.12.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học:

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.12.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc: -

[1]. A.G. Ixatsenko, *Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên*, NXB Khoa học, Hà Nội, 1969.

[2]. A.E. Pheedinna, *Phân vùng địa lí tự nhiên tập 1,2*, NXB Khoa học, Hà Nội, 1973.

[3]. Nguyễn Văn Nhung-Nguyễn Văn Vinh, *Phân vùng địa lí tự nhiên đất liền, đảo-biển Việt nam và lân cận*, NXB Khoa học, Hà Nội, 1998.

[4]. Phạm Hoàng Hải, Nguyễn mạnh Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh, *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1997.

* *Học liệu tham khảo thêm:*

[1]. Isachenko, A.G. (1985), *Cảnh quan học ứng dụng*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2]. N.A.GVOZDEXKI (hiệu chỉnh), *Phân vùng địa lí tự nhiên*, 1973

[3]. Tổ phân vùng địa lí tự nhiên, *Phân vùng địa lí tự nhiên (Lãnh thổ Việt Nam)*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1970.

[4]. Kalexlik. *Những quy luật địa lý chung của Trái Đất*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1973.

[5]. An Thịnh (chủ biên), *Sinh thái cảnh quan*, NXB ĐHQGHN, 2010

4.12.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.13. Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế / Viet Nam with global and regional integration

4.13.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn mở rộng, chuyên sâu và cập nhật về: tổng quan vấn đề hội nhập (khái niệm, nội dung, đặc điểm, nguyên nhân, động lực và các khía cạnh của hội nhập); chủ trương và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; kinh tế - xã hội Việt Nam với bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực (chính sách của Nhà nước để hội nhập, nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập, những chuyển biến của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập).

4.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về hội nhập của Việt Nam trong xu thế chung của khu vực và thế giới. Các khía cạnh được đề cập là sự hội nhập về chính trị, kinh tế - xã hội, vai trò vị trí của đất nước trên trường quốc tế, đặc biệt được đẩy mạnh từ những năm sau đổi mới; cập nhật và đánh giá thay đổi chủ yếu, xu hướng mới của kinh tế - xã hội Việt Nam trong hội nhập; kiến thức nâng cao về sự hội nhập của mỗi ngành kinh tế, cũng như sự biến đổi về xã hội ở Việt Nam.

4.13.3. Năng lực cần đạt được

- Hiểu rõ các vấn đề lý thuyết của hội nhập, thông hiểu chủ trương và chính sách hội nhập của Việt Nam
- Phân tích được các cơ hội và thách thức trong tiến trình hội nhập của Việt Nam
- Vận dụng đánh giá các cơ hội và thách thức của các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập
- Biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.13.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết : 18 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
- + Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.13.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Vũ Như Vân, *Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 2). NXB. Đại học sư phạm, năm 2007.

[2]. Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*. NXB. Giáo dục, 2011.

[3]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, *Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 1). NXB. Giáo dục, năm 2005

[5]. Ngô Văn Điềm, *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Minh Tú, *Việt Nam trên chặng đường đổi mới và phát triển kinh tế*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002

[2]. Nguyễn Văn Thường (chủ biên), *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*. NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2004.

[3]. Đinh Xuân Lý (2003). *Quá trình Việt Nam hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương theo đường lối đổi mới của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia, 2003.

[4]. Duong. M. H. (2012) *Evaluates the impact of hydro energy storage to transport efficiency of the power system*. Da Nang: Da Nang University.

4.13.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.14. Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội thế giới/ Some main points of global socio-economic geography

4.14.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về một số vấn đề nổi bật về kinh tế - xã hội thế giới hiện nay: các nhóm nước có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới, đặc điểm các nhóm nước này. Tăng trưởng kinh tế thế giới, tác động xu thế toàn cầu hóa và chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, chiến tranh thương mại đối với nền kinh tế thế giới. Một số vấn đề về chủ nghĩa khủng bố với những tổ chức khủng bố hình thành ở châu Á, châu Phi gây nhiều hậu quả dai dẳng với đời sống kinh tế - xã hội thế giới. Cuộc chiến chống khủng bố của cộng đồng quốc tế hiện nay.

4.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Nội dung học phần gồm 3 chương: Các nhóm nước trên thế giới hiện nay; Tăng trưởng kinh tế, toàn cầu hóa và chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch; Chủ nghĩa khủng bố và cuộc chiến chống khủng bố

- Năng lực đạt được: Học viên thu thập phân tích nguồn tài liệu, bản đồ, bảng số liệu về các vấn đề nổi bật tác động đến đời sống kinh tế-xã hội thế giới: đặc điểm các nhóm nước tiêu biểu, tăng trưởng kinh tế, toàn cầu hóa, chiến tranh thương mại, chủ nghĩa khủng bố. Vận dụng các kiến thức này trong dạy học, nghiên cứu địa lí.

4.14.3. Năng lực cần đạt được

- HV phân biệt được các nhóm nước trên thế giới theo tiêu chí phân loại mới và một số vấn đề toàn cầu tiêu biểu: toàn cầu hóa, bảo hộ mậu dịch, chiến tranh thương mại, chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

- HV có kĩ năng thu thập nguồn tài liệu tin cậy, vẽ biểu đồ, phân tích bảng số liệu, biểu đồ về các nội dung kiến thức trên.

- Về thái độ: HV quan tâm đến một số vấn đề kinh tế-xã hội thế giới trong dạy học

4.14.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
- + Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.14.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc:

[1]. Ông Thị Đan Thanh. Địa Lý Kinh tế xã hội thế giới. NXB, Đại học Sư phạm. Hà Nội, 2006

[2]. Bùi Thị Hải Yến. Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. Nhà xuất bản Giáo dục, 2007.

* Học liệu tham khảo thêm:

[1]. Viện Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (2005), *Toàn cầu hóa, chuyển đổi và phát triển tiếp cận đa chiều*, Nxb Thế giới

- [2]. <https://www.worldbank.org>, *các thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường các nước trên thế giới*, Ngân hàng thế giới.

[3]. Nguyễn Quốc Tuấn (2019), Bài giảng *Một số vấn đề về địa lí kinh tế-xã hội thế giới*, Bộ môn Địa lí, ĐH. Hồng Đức.

4.14.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.15. Học phần: **Biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội/Climate change and socio-economic development**

4.15.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về: khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện và những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên do biến đổi khí hậu; những giải pháp của việc ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam; những công cụ đánh giá mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra cho cộng đồng; tác động của biến đổi khí hậu tới phát triển kinh tế xã hội; các nguyên tắc, giải pháp kinh tế xã hội và kỹ thuật trong việc phát triển kinh tế xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu.

4.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về: nguyên nhân, hiện tượng của biến đổi khí hậu (hiệu ứng nhà kính, mưa axit, thủng tầng ozon, cháy rừng, lũ lụt, hạn hán, sa mạc hóa,...) và các tác động của biến đổi khí hậu tới môi trường tự nhiên (tăng nhiệt độ Trái đất, băng tan, nước biển dâng,...); các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam; các tác động của biến đổi khí hậu tới phát triển kinh tế xã hội; những chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của từng ngành kinh tế.

4.15.3. Năng lực cần đạt được

- Phân tích nguyên nhân, đặc điểm của biến đổi khí hậu
- Giải thích các hiện tượng tự nhiên do biến đổi khí hậu gây ra
- Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu tới môi trường tự nhiên.
- Phân tích được tác động của khí hậu tới phát triển kinh tế xã hội
- Đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu
- Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu..
- Vận động mọi người tham gia vào việc bảo vệ Trái đất, giảm tác động của biến đổi khí hậu bằng những hành động cụ thể như bảo vệ môi trường, lên án các hành động hủy hoại môi trường,...

4.15.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết

: 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.15.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Trọng Hiệu, Trần Thục, *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, NXB KH&KT, Hà Nội, 2010.

[2]. Trần Thanh Xuân, Trần Thục, *Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước Việt Nam*, NXB KH&KT, Hà Nội, 2011.

[3]. Lê Hồng Kế (chủ biên), *Tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong quá trình phát triển đô thị*, NXB Xây dựng, 2015.

*Tài liệu tham khảo:

[1]. Vũ Văn Phái (chủ biên), *Biến động đường bờ biển các tỉnh Nam Bộ dưới tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2014

[2]. Catherine Gautier, *Oil, Water, and Climate: An Introduction*, Cambridge University Press, 2008

[3]. Katherine Richardsons, *Climate Change: Global Risks, Challenges and Decisions*, Cambridge University Press, 2012

[4]. *Tác động của biến đổi khí hậu tới tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam đến năm 2050* (Implications of climate change for economic growth and development in VietNam). NXB Thống kê, 2012.

[5]. Tom Tietenberg, Lynne Lewis, *Environmental & Natural Resource Economics*, NXB Pearson, 2012.

4.15.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.16. Phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội/ Research methods in social-economic geography

4.16.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội; Phương pháp điều tra xã hội học; Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu và xử lí số liệu địa lí kinh tế - xã hội.

4.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ kiến thức về những kiến thức và những kĩ năng thực hành về các phương pháp nghiên cứu của địa lí kinh tế - xã hội. Đặc biệt, chuyên đề này

tăng cường sử dụng hiểu biết và kỹ năng của học viên trong ứng dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng.

4.16.3. Năng lực cần đạt được

- Kết thúc học phần người học phải có được những kiến thức và những kỹ năng thực hành về các phương pháp nghiên cứu của địa lý kinh tế - xã hội; có kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng.

- Sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế-xã hội đặc thù (điều tra xã hội học, ứng dụng SPSS...) để thu thập tài liệu, xử lý số liệu trong các đề tài nghiên cứu khoa học địa lý kinh tế-xã hội.

4.16.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 36 tiết
- + Tự học : 135 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.16.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Việt Thịnh và Đỗ Thị Minh Đức. *Tập bài giảng và bài tập thực hành về phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội*.

[2]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, Phạm Kim Chung, Nguyễn Tường Huy. *Windows, MS Office, Internet ứng dụng trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lý*. NXB ĐHSP, Hà Nội, 2010 (tái bản có sửa chữa và bổ sung).

[3]. Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Đình Cử, Nguyễn Quốc Anh. *SPSS 8.0 và 9.0- Ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên - xã hội*. NXB Giao thông vận tải, 2000

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Thống Kê, 2005.

[2]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Giáo trình "Hướng dẫn sử dụng phần mềm MapInfo"*. Trung tâm Địa lý ứng dụng, Hà Nội - 2010.

[3]. Leyshon, A., Lee, R., McDowell, L and Sunley, P. (eds) (2011) *The Sage Handbook of Economic Geography*, London: Sage

4.16.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.17. Học phần: **Quần cư và đô thị hóa/ Settlement and Urbanization**

4.17.1. *Tóm tắt nội dung môn học*

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về đối tượng, nội dung nghiên cứu của địa lý đô thị, các nhân tố hình thành và phát triển đô thị, bản chất của quá trình đô thị hóa, thực tiễn phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.

4.17.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Học phần tập trung làm sáng tỏ về đối tượng, nội dung nghiên cứu của địa lý đô thị, các nhân tố hình thành và phát triển đô thị, bản chất của quá trình đô thị hóa, thực tiễn phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa ở Việt Nam

4.17.3. *Năng lực cần đạt được*

- Làm chủ được kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về đô thị và đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam, bao gồm: các thuật ngữ, những quy luật chung và khác biệt của quá trình đô thị hóa diễn ra trên thế giới; các mô hình đô thị của thế giới; khái niệm và các chỉ tiêu phân loại đô thị, quan hệ đô thị - nông thôn ở Việt Nam

- Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề đô thị

- Phát hiện và giải quyết được những vấn đề địa lí đô thị đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

- Truyền đạt được những kiến thức địa lí đô thị cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề địa lí đô thị và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc và xây dựng được bản đồ địa lí đô thị.

4.17.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 36 tiết
- + Tự học : 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.12.5. *Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

* *Học liệu bắt buộc:*

[1]. Lê Văn Trường (2019). *Tập bài giảng về địa lí đô thị*.

[2]. Đàm Trung Phụng . *Đô thị Việt Nam* (2 tập). Nhà xuất bản Xây dựng, 1995.

[3]. Trương Quang Thao. *Đô thị hôm qua, hôm nay và ngày mai*. NXB Xây dựng, 1988.

[4]. Trương Quang Thao. *Đô thị học, những khái niệm mở đầu*. NXB Xây dựng, 2003.

* *Học liệu tham khảo thêm:*

[1]. Nguyễn Đăng Sơn. Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị. NXB Xây dựng, 2005.

[2]. Đặng Thái Hoàng. Lịch sử đô thị. NXB Xây dựng, 2010.

[3]. Carter H. Edward. *The study of urban geography*. NXB Arnold 1985.

[4]. Michael Pacione. *Urban geography: a global perspective*. Routledge, 2001

[5]. United Nations. *World Urbanization Prospects 2009*, New York 2010.

4.12.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.18. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp/ Territorial Organisation of Industry

4.18.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về công nghiệp và công nghiệp hoá, cơ cấu ngành công nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam; Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới và Việt Nam.

4.18.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật về vấn đề lý luận và thực tiễn của tổ chức lãnh thổ công nghiệp, cơ cấu ngành công nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam; Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới và Việt Nam.

4.18.3. Năng lực cần đạt được

- Kết thúc học phần người học có được hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật về vấn đề lý luận và thực tiễn của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

- Có năng lực sử dụng kiến thức về tổ chức lãnh thổ công nghiệp trong dạy học và nghiên cứu.

4.18.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.18.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. PGS. TS. Đặng Văn Phan, *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam*. NXB Giáo dục, 2008.

[2]. Đặng Kim Sơn, *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển*. NXB CTQG, Hà Nội, 2006.

*** Tài liệu tham khảo:**

[1]. Lê Thông. *Nhập môn địa lý nhân văn*. NXB Giáo dục, 1996.

[2]. Lê Thông. *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trên thế giới*. NXB Giáo dục, 1996.

[3]. F. Amador, G. Rul-lan, L. Estipa ; Dịch: Nguyễn Thị Minh Hiền, Nguyễn Mậu Dũng, *Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển nông thôn theo vùng*. Nxb CTQG, Hà Nội, 2004.

[4]. M. V. K. Sivakumar and C. Valentin, 1997, Agroecological zones and the assessment of crop production potential

Philos Trans R Soc Lond B Biol Sci. Jul 29; 352(1356): 907–916.

4.18.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.19. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp/ Territorial Organisation of agriculture

4.19.1. Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về các khái niệm, lí thuyết và quan điểm về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội và tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. Đặc điểm, vai trò của các nhân tố đầu vào trong sản xuất nông nghiệp như: tài nguyên đất, tài nguyên khí hậu, nguồn lao động, quan hệ sản xuất, ... Hiện trạng tổ chức sản xuất nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam, các xu hướng tổ chức sản xuất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp bền vững.

4.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Học phần tập trung làm sáng tỏ những kiến thức chung về nông nghiệp và nông nghiệp Việt Nam, các nguồn lực cơ bản sử dụng trong sản xuất nông nghiệp; những vấn đề chung về tổ chức không gian và tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và hệ thống các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp

4.19.3. Năng lực cần đạt được:

Học viên vận dụng được kiến thức để phân tích, đánh giá tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở một địa bàn cụ thể.

4.19.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 giờ

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa

các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.19.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

* Học liệu chính:

[1]. Đặng Văn Phan (2007) Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội

* Tài liệu tham khảo thêm

[1]. Đinh Phi Hồ, Kinh tế nông nghiệp – Lí luận và thực tiễn

[2]. Vũ Đình Thắng, Giáo trình kinh tế nông nghiệp (2006), NXB Đại học kinh tế quốc dân

[3]. Đặng Kim Sơn, Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam – Hôm nay và mai sau, Nxb Chính trị quốc gia, 2008

[4]. Tổng cục thống kê Việt Nam: <http://www.gso.gov.vn>

4.19.6. Hình thức thi hết học phần:

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.20. Tổ chức lãnh thổ dịch vụ/ Territorial Organisation of Services

4.20.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về tổ chức lãnh thổ dịch vụ: quan niệm, các hình thức tổ chức lãnh thổ dịch vụ chủ yếu (giao thông, thương mại, du lịch); các nhân tố ảnh hưởng; bộ chỉ tiêu đánh giá và thực tiễn tổ chức lãnh thổ dịch vụ trên thế giới và Việt Nam

4.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ về quan niệm, các hình thức tổ chức lãnh thổ dịch vụ chủ yếu (giao thông, thương mại, du lịch); các nhân tố ảnh hưởng; bộ chỉ tiêu đánh giá và thực tiễn tổ chức lãnh thổ dịch vụ trên thế giới và Việt Nam

4.20.3. Năng lực cần đạt được

- Làm chủ được những kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về tổ chức lãnh thổ dịch vụ: quan niệm, các hình thức tổ chức lãnh thổ dịch vụ chủ yếu (giao thông, thương mại, du lịch); các nhân tố ảnh hưởng; bộ chỉ tiêu đánh giá và thực tiễn tổ chức lãnh thổ dịch vụ trên thế giới và Việt Nam

-Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề địa lí dịch vụ.

-Phát hiện và giải quyết được những vấn đề địa lí dịch vụ đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

-Truyền đạt được những kiến thức địa lí dịch vụ cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề địa lí dịch vụ và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc và xây dựng được các loại bản đồ địa lí dịch vụ.

4.20.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 36 tiết
- + Tự học : 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phân kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.20.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc:

[1]. Lê Thông (chủ biên - 2011), *Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội (tái bản lần thứ 5).

[2]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2011), *Địa lý thương mại và du lịch*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[3]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lý KT - XH đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4]. Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa (Đồng chủ biên.2017). *Địa lí du lịch. Cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục.

* Học liệu tham khảo thêm:

[1]. Bộ Kế hoạch và đầu tư - Viện chiến lược và phát triển (2007), *TCLTKT- xã hội Việt Nam – Nghệ thuật đảm bảo đất nước phát triển thành công trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2001, 2009), *Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam (tập 1,2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (đồng chủ biên - 2011), *Địa lý Giao thông vận tải*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4]. Lê Văn Trường (2017). *Tổng quan du lịch*. ĐH Hồng Đức

4.20.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 150 phút

4.21. Phát triển lãnh thổ kinh tế/ Economic territory development

4.21.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về phát triển lãnh thổ kinh tế, bao gồm: nội dung, bản chất của lãnh thổ kinh tế; các lí thuyết và công cụ phát triển lãnh thổ kinh tế và phát triển lãnh thổ kinh tế ở Việt Nam qua các giai đoạn

4.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

— — —

Học phần tập trung làm sáng tỏ về phát triển lãnh thổ kinh tế, bao gồm: tổng quan về nội dung, bản chất của lãnh thổ kinh tế; các lí thuyết và công cụ phát triển lãnh thổ kinh tế và phát triển lãnh thổ kinh tế ở Việt Nam quan các giai đoạn

4.21.3. Năng lực cần đạt được

- Làm chủ được kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về phát triển lãnh thổ kinh tế, bao gồm: nội dung, bản chất của lãnh thổ kinh tế; các lí thuyết và công cụ phát triển lãnh thổ kinh tế và phát triển lãnh thổ kinh tế ở Việt Nam quan các giai đoạn

- Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề phát triển lãnh thổ kinh tế.

- Phát hiện và giải quyết được những vấn đề phát triển kinh tế đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

- Truyền đạt được những kiến thức phát triển lãnh thổ kinh tế cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề phát triển lãnh thổ kinh tế và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

4.21.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.21.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc:

[1]. Lê Văn Trường (2005). *Địa lí kinh tế-xã hội đại cương*. NXB Chính trị Quốc gia.

[2]. Nguyễn Xuân Trường (2016). *Phát triển vùng*. Đại học Thái Nguyên.

[3]. Ngô Doãn Vịnh (2006), *TCLT KT – XH, một số vấn đề lý luận và ứng dụng*, Viện chiến lược và phát triển, Hà Nội.

* Học liệu tham khảo thêm:

[1]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018). *Báo cáo nghiên cứu phân vùng phục vụ quy hoạch giai đoạn 2021-2030*

[2]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Báo cáo quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm*.

[3]. UBND các tỉnh, thành phố. *Quy hoạch phát triển KT-XH các tỉnh, thành phố*.

[4]. UBND các tỉnh, thành phố. *Quy hoạch phát triển các khu kinh tế, các khu công nghiệp, các trung tâm nông nghiệp công nghệ cao...*

4.21.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.22. Học phần: Quy hoạch vùng/ Regional Planning

4.22.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam.

4.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ về cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam.

4.22.3. Năng lực cần đạt được

-Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức chuyên sâu về quy hoạch vùng ở các lãnh thổ khác nhau.

-Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về quy hoạch vùng; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xémına; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề quy hoạch vùng

-Phát hiện và giải quyết được những vấn đề quy hoạch vùng đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

-Truyền đạt được những kiến thức quy hoạch vùng cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề quy hoạch vùng và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc và xây dựng được các loại bản đồ quy hoạch.

-Có tư duy phản biện, tư duy địa lí KT-XH.

4.22.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.22.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc:

[1]. Lê Văn Trường (2019). *Bài giảng Quy hoạch vùng*.

[2]. *Quy hoạch vùng*. E.N.Perxik. NXB. Khoa học kĩ thuật, 1978 (Bản dịch tiếng Việt).

[3]. *Quy hoạch vùng*. Phạm Kim Giao. NXB. Xây dựng, 2000.

4.22. Học phần: Quy hoạch vùng/ Regional Planning

4.22.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam.

4.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ về cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam.

4.22.3. Năng lực cần đạt được

-Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức chuyên sâu về quy hoạch vùng ở các lãnh thổ khác nhau.

-Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về quy hoạch vùng; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề quy hoạch vùng

-Phát hiện và giải quyết được những vấn đề quy hoạch vùng đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

-Truyền đạt được những kiến thức quy hoạch vùng cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề quy hoạch vùng và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc và xây dựng được các loại bản đồ quy hoạch.

-Có tư duy phản biện, tư duy địa lí KT-XH.

4.22.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.22.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Học liệu bắt buộc:

[1]. Lê Văn Trường (2019). *Bài giảng Quy hoạch vùng*.

[2]. *Quy hoạch vùng*. E.N.Perxik. NXB. Khoa học kĩ thuật, 1978 (Bản dịch tiếng Việt).

[3]. *Quy hoạch vùng*. Phạm Kim Giao. NXB. Xây dựng, 2000.

[4]. *Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam*. Ngô Doãn Vịnh. NXB. Chính trị Quốc gia, 2003.

* *Học liệu tham khảo thêm:*

[1]. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2017). *Luật quy hoạch*.

[2]. Hoàng Sỹ Động (2012). *Quy hoạch từ lý thuyết đến thực tiễn ở nước chuyên đổi mô hình phát triển*. Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật

[3]. Quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm, các tỉnh, thành phố ở Việt Nam

4.22.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.23. Một số vấn đề địa lí KT-XH Việt Nam/ Some geographic issues of socio-economic Vietnam

4.23.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về một số vấn đề nổi bật về kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay: Vấn đề chủ quyền biển và hải đảo nước ta theo Luật biển Việt Nam 2012 và Công ước quốc tế về luật biển (UNCLOS), các Hiệp định phân định vùng biển với các nước liên quan, chủ quyền của nước ta với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, định hướng phát triển kinh tế-XH các đảo ven bờ...; Một số đặc điểm nổi bật về đô thị hóa và môi trường, phát triển nông thôn với sức ép môi trường ở nước ta; Một số vấn đề về thực trạng phát triển một số ngành kinh tế

4.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Nội dung học phần gồm 4 chương: Vấn đề chủ quyền vùng biển và hải đảo nước ta, Một số vấn đề về đô thị hóa và môi trường đô thị Việt Nam, Một số vấn đề nông thôn và sức ép môi trường ở nước ta, sự phát triển một số ngành kinh tế Việt Nam những năm gần đây.

- Năng lực đạt được: Học viên thu thập phân tích nguồn tài liệu, bản đồ, bảng số liệu về các vấn đề nổi bật về chủ quyền biển, hải đảo, thực trạng quá trình đô thị hóa, phát triển nông thôn, phát triển một số ngành kinh tế nước ta. HV vận dụng các kiến thức này trong dạy học, nghiên cứu địa lí.

4.23.3. Năng lực cần đạt được

- HV hiểu một cách cụ thể quyền các vùng biển nước ta theo Luật biển Việt Nam 2012, Công ước quốc tế về luật biển (UNCLOS). HV phân tích đặc điểm quá trình đô thị hóa, phát triển nông thôn ở nước ta, tác động của quá trình này tới môi trường, so sánh một số vấn đề nổi bật về thực trạng phát triển ngành kinh tế và phân tích một số vấn đề xã hội nước ta hiện nay

- HV có kĩ năng thu thập nguồn tài liệu tin cậy, vẽ biểu đồ, phân tích bảng số liệu, biểu đồ về các nội dung kiến thức trên.

4.23.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
- + Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết
- + Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phân kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.23.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* *Học liệu bắt buộc:*

[1]. Lê Thông (2011), *Địa lý Kinh tế - xã hội Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2]. PGS, TS. Nguyễn Chu Hồi (2014), *Giáo dục tài nguyên và môi trường biển, hải đảo Việt Nam*, Hà Nội

* *Học liệu tham khảo thêm*

[1]. Bộ Tài nguyên và Môi Trường (2014), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2014*, Hà Nội.

[2]. Bộ Tài nguyên và Môi Trường (2016), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2016*, Hà Nội.

[3]. Phạm Hoàng Hải (2010), *Các huyện đảo ven bờ Việt Nam tiềm năng và định hướng phát triển*.

4.23.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian làm bài thi: 120 phút

4.24. Một số vấn đề về phát triển kinh tế biển/ Marine Economic Geography

4.24.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng và tiên tiến về các ngành kinh tế biển:

- Biển và đại dương trong phát triển kinh tế - xã hội
- Các ngành kinh tế biển
- Tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển của Việt Nam
- Thực trạng phát triển các ngành kinh tế biển ở Việt Nam

4.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các ngành kinh tế biển: biển và đại dương trong phát triển kinh tế-xã hội; các ngành kinh tế biển; tiềm năng và sự phát triển các ngành kinh tế biển trên thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, giúp học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá vai trò, tiềm năng và thực trạng khai thác tài nguyên biển cho phát triển kinh tế, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế biển, dự báo xu hướng và

các vấn đề nảy sinh trong phát triển kinh tế biển nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài.

4.24.3. Năng lực cần đạt được

- Kết thúc học phần người học phải có những kiến thức về vấn đề lý luận và thực tiễn về các ngành kinh tế biển;

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá vai trò, tiềm năng và thực trạng khai thác tài nguyên biển cho phát triển kinh tế, đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài. Có khả năng đề xuất giải pháp phát triển kinh tế biển, dự báo xu hướng và các vấn đề nảy sinh trong phát triển kinh tế biển. Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ tài nguyên biển ở nước ta.

4.24.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết

+ Thảo luận, bài tập nhóm tại lớp : 24 tiết

+ Tự học : 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.24.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. Thế Đạt (2009), *Nền kinh tế các tỉnh vùng ven biển của Việt Nam*. NXB lao động.

[2]. Phạm Văn Giáp (Chủ biên - 2002), *Biển và cảng biển thế giới*. NXB Xây dựng.

[3]. Nguyễn Chu Hồi (2013), *Nội dung và phương pháp tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho học sinh, sinh viên trong tình hình hiện nay*. Báo cáo tập huấn công tác quản lý học sinh, sinh viên năm 2013 tại Đại học Vinh.

* Tài liệu tham khảo:

[4]. Lê Thông (chủ biên - 2010), *Địa lý KT-XH Việt Nam*. NXB Sư phạm Hà Nội.

[5]. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê Việt Nam hàng năm*.

[6]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2012), *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[7]. Viện chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2004), *Chiến lược kinh tế biển của Việt Nam đến năm 2002*.

[8]. Paul Knox, John Agnew, Linda McCarthy, *The Geography of the World Economy*, Oxford University Press, USA.

4.24.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian làm bài thí: 120 phút

4.25. Luận văn tốt nghiệp/ Graduate thesis

- Luận văn là một báo cáo khoa học, vừa có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; vừa giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

- Luận văn được trình bày theo Quy định thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 512-QĐ/ĐHHD ngày 17/4/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

5. Quy định về đánh giá học phần

(Theo khoản 2,3,4,5,6, điều 25 trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng)

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai các quy định về đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu và đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần;

d) Kết hợp hình thức kiểm tra thường xuyên, với đánh giá ý thức chuyên cần học tập, tính độc lập, sáng tạo của người học và thi kết thúc học phần vào đánh giá kết quả học phần.

2. Quy trình đánh giá học phần:

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

a) Giảng viên giảng dạy học phần tổ chức kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên. Sau khi kết thúc học phần, các khoa, bộ môn phụ trách chuyên ngành xét điều kiện dự thi các học phần và nộp kết quả xét điều kiện dự thi về Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, đồng thời lưu điều kiện dự thi tại khoa, bộ môn phụ trách.

Đề thi kết thúc học phần do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Đề thi và đáp án có chữ ký của giảng viên ra đề thi và Trưởng bộ môn, ký niêm phong và nộp về phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí.

b) Việc tổ chức chấm thi, lên điểm, quản lý bài thi được thực hiện theo Quy định chung của Nhà trường.

Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần. Tham gia:

- + 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;
- + 96-99% số tiết của học phần đạt điểm 9,0;
- + 92-95% số tiết của học phần đạt điểm 8,0;
- + 88-91% số tiết của học phần đạt điểm 7,0;
- + 84-87% số tiết của học phần đạt điểm 6,0;
- + 80-83% số tiết của học phần đạt điểm 5,0;

c) Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau: $ĐHP = 0,3KT + 0,2CC + 0,5ĐT$.

d) Các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm đánh giá học phần được ghi vào bảng điểm của học phần theo mẫu thống nhất do Nhà trường quy định, có chữ ký của các giảng viên chấm thi và giảng viên giảng dạy.

đ) Điểm học phần từng môn của mỗi học viên phải được ghi và lưu trong sổ điểm chung của khoá đào tạo.

e) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học có trách nhiệm bảo quản các bài thi, lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là 05 năm kể từ khi kết thúc khoá đào tạo.

3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

b) Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác;

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

Không tổ chức kiểm tra, thi ngoài các kì kiểm tra và thi nêu trong lịch trình giảng dạy và đã được công bố từ đầu khoá học.

4. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khóa sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

5. Các khiếu nại về điểm chấm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 30 ngày sau ngày công bố kết quả.

6. Xử lí vi phạm trong quá trình đánh giá học phần: Học viên sao chép bài tập, tiểu luận của người khác, sử dụng trái phép tài liệu sẽ bị đình chỉ thi và bị điểm không (0) cho học phần hoặc bài tập hoặc tiểu luận đó.

6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

- Phòng học có trang bị máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...
- Phòng bảo vệ luận văn có đầy đủ trang thiết bị (máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...), lịch sự, hiện đại.
- Thư viện: Cơ bản có đủ các Giáo trình và Tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các môn học.

7. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Địa lí học được xây dựng trên cơ sở Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng. Chương trình là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo. Hiệu trưởng quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, khoa Khoa học xã hội, bộ môn Địa lí và bộ phận được phân công phụ trách có trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo đảm bảo chất lượng, đúng quy định của nhà trường và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

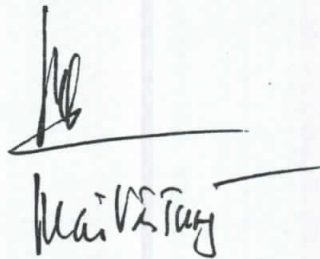
Căn cứ vào chương trình, Trường các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần, hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra.

phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

Trưởng khoa chuyên môn phê duyệt đề cương chi tiết học phần; xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu khoa/bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị làm văn bản trình hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xem xét, nếu hợp lý, hội đồng Khoa học & Đào tạo trường trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng./.

TRƯỞNG KHOA


Mai Văn Tùng



Hoàng Nam



Tháng Năm